

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 20-02-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Minh Quang
- Ông Trương Thành Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký TAND huyện C.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại cổ phần S (S1);

Địa chỉ trụ sở chính: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D (theo Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ – PL ngày 26/12/2022): Ông Trần Di T - chức vụ: Trưởng Phòng G).

Ông T ủy quyền cho ông Võ Hồng L – Phó phòng Giao dịch C và bà Nguyễn Thị Thu V – Chuyên viên khách hàng cá nhân.

Địa chỉ nhận thông báo: 84B, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phan Lương Nhật M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương Mại cổ phần S (S1) trình bày: Ngày 05/4/2022, ông Phan Lương Nhật M có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông Phan Lương Nhật M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với Hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất thẻ: 31,20%/năm. Sau khi

được cấp Thẻ tín dụng, ông [Phan Lương Nhật M](#) đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 26.077.289 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông [Phan Lương Nhật M](#) đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.592.347 đồng (thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Tính đến ngày 15/02/2024, ông [M](#) còn nợ Ngân hàng nợ gốc 25.443.887 đồng và nợ lãi là 7.565.635 đồng, tổng cộng là 33.009.522 đồng. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông [M](#) thanh toán nhưng ông [M](#) không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông [M](#) phải thanh toán một lần hết số nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông [Phan Lương Nhật M](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật để cho ông [M](#) biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng ông [M](#) không nộp văn bản nêu ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông [Phan Lương Nhật M](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo phiên tòa sơ thẩm nhưng ông [M](#) vẫn không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông [M](#).

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) khởi kiện ông [Phan Lương Nhật M](#) là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1.]. Chứng cứ do [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) cung cấp cho Tòa án là bản sao “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 05/4/2022 với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng” có chữ ký tên của ông [Phan Lương Nhật M](#) là có thật.

[3.2.]. Bị đơn ông [Phan Lương Nhật M](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật để cho ông [M](#) biết thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng cho đến nay không có ý kiến phản đối.

[3.3.]. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, xét yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) đối với ông [Phan](#)

[Lương Nhật M](#) là có căn cứ, nên được chấp nhận. Buộc ông [Phan Lương Nhật M](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) số tiền vay còn nợ tính đến ngày 15/02/2024 là 33.009.522 đồng (nợ gốc 25.443.887 đồng và nợ lãi là 7.565.635 đồng), cùng lãi suất phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/02/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với yêu cầu trả nợ một lần của [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) đối với ông [Phan Lương Nhật M](#) sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông ông [Phan Lương Nhật M](#) phải chịu án phí để sung công quỹ Nhà nước. H lại tiền tạm ứng án phí cho [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#).

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) đối với ông [Phan Lương Nhật M](#) về việc “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

[2]. Buộc ông [Phan Lương Nhật M](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) số tiền vay còn nợ tính đến ngày 15/02/2024 là 33.009.522 đồng (*bằng chữ: ba mươi ba triệu, không trăm lẻ chín ngàn, năm trăm hai mươi hai đồng*), trong đó tiền gốc là 25.443.887 đồng và tiền lãi 7.565.635 đồng.

[3]. Kể từ ngày 16/02/2024, ông [Phan Lương Nhật M](#) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” được [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) phê duyệt ngày 05/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4]. Về án phí: Buộc ông [Phan Lương Nhật M](#) phải chịu 1.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. H lại [Ngân hàng thương mại cổ](#)

[phần S](#) tiền tạm ứng án phí đã nộp 652.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002677 ngày 14/11/2023 của [Chi cục Thi hành dân sự huyện C](#), tỉnh Long An.

[5]. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[6]. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang